

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HS-ST
Ngày: 08-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trí – Chủ tịch Hội Nông dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ông Võ Lâm Sơn – Giáo viên Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Chợ Mới.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1985, tại quận T, thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1963 và bà Phan Thị Xuân M, sinh năm 1963; chưa lập gia đình.

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 08/8/2017 đến ngày 11/8/2017 bị tạm giam đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Đào Văn H, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Út H1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 536, tổ 26, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc K, Lê Văn V, Đào Văn H, Phan Minh L, và Phạm Công M cùng làm thuê tại kho lúa gạo “Phước Chung” thuộc ấp A, xã H, huyện C. Khi đi làm thuê, H mang theo 01 máy hàn điện màu cam, nhãn hiệu POWER ZX7 ARC-250 và 01 máy hàn điện màu xanh, nhãn hiệu RILAND, cùng có công suất 2,5KW. Ngày 05/10/2016, lợi dụng kho vắng người, K lén lấy trộm 02 máy hàn điện của H đem cất giấu, đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 06/10/2016 K đem bán cho Nguyễn Út H1 ở khóm L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ được 5.000.000 đồng, rồi bỏ trốn.

* Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 14 tháng 10 năm 2016, vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) máy cắt Lasma hiệu RILAND màu xanh, có gắn dây điện màu đen, đã qua sử dụng, dài khoảng 60cm, rộng khoảng 20cm, cao khoảng 30cm, có tay cầm màu đen;

- 01 (một) máy hàn hiệu POWER ZX7 ARC – 250 màu cam có gắn dây điện màu đen, đã qua sử dụng, dài khoảng 50cm, rộng khoảng 20cm, cao khoảng 30cm, có tay cầm màu đen.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐG ngày 14/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Mới, xác định:

- 01 (một) máy hàn điện màu cam, trị giá 4.200.000 đồng.

- 01 (một) máy hàn điện màu xanh, trị giá 4.200.000 đồng.

Tổng trị giá 8.400.000 đồng.

Ngày 14/12/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 11/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Ngọc K về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 08/8/2017, Nguyễn Ngọc K bị bắt theo Quyết định truy nã số 03 ngày 11/4/2017.

Ngày 08/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự và Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Ngọc K.

Tại bản cáo trạng số 38/VKS-HS ngày 29 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo bồi thường cho Nguyễn Út H1 số tiền 05 triệu đồng.

XÉT THẤY:

- *Về tố tụng*: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã lấy 01 máy hàn và 01 máy cắt đem bán cho Nguyễn Út H1. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các vật chứng bị thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cái máy hàn và 01 cái máy cắt của ông Đào Văn H, tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 8.400.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì háms lợi, muốn nhanh chóng có được tài sản mà không phải tốn công sức lao động bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Đào Văn H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xét đến.

Ông Nguyễn Út H1 yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng là số tiền mà ông H1 đã mua lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy, ông H1 mua tài sản do bị cáo bán nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu nên yêu cầu của ông H1 là có cơ sở, xét chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

Đối với Nguyễn Út H1 đã mua lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc K 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ 08/8/2017 (*ngày tám tháng tám năm hai nghìn không trăm mười bảy*).

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Út H1 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) hoặc kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong